TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**:** 31/2019/DS-ST
Ngày: 13/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiếu**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Nha**

Ông **Đặng Ngọc Hương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thủy -** Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C tham gia phiên tòa:

Bà **Lê Thị Hồng Lan** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019 về "***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà Trần Thị L. Địa chỉ cư trú: 58 H, TDP LP, phường CL, Tp. C. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn**: Ông Nguyễn Đức Ng và bà Nguyễn Thị Mỹ H. Địa chỉ cư trú: TDP LT, phường CL, Tp. C. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ông Đỗ Văn M; Địa chỉ cư trú: 58 58 H, TDP LP, phường CL, Tp. C. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Tôi và vợ chồng anh Nguyễn Đức Ng và chị Nguyễn Thị Mỹ H có mối quan hệ quen biết với nhau. Khi gia đình chị H và anh Ng cần tiền để làm ăn chị Hvà anh Ng có hỏi tôi để vay mượn tiền. Tôi đã đồng ý cho vợ chồng chị H và anh Ng mượn tổng số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Khi mượn tiền chúng tôi có lập giấy mượn tiền. Tôi đã giao tiền cho anh Nguyễn Đức Ng hai lần, lần thứ nhất là ngày 19/10/2015 tôi giao cho anh Ng 50.000.000 đồng lần vay này anh Ng và chị H hứa 01 tháng sau là ngày 19/11/2015 trả toàn bộ tiền cho tôi. Tuy nhiên, đến hạn, anh Ng và chị H lại trình bày hoàn cảnh chưa xoay được tiền và còn cần mượn thêm 50.000.000 đồng nữa. Tôi đồng ý cho mượn thêm 50.000.000 đồng nữa vào ngày 15/11/2015 (giao tiền cho anh Ng) vợ chồng anh Ng và chị H hứa đúng ngày 15/12/2015 trả hết tổng số tiền là 100.000.000 đồng cho tôi. Khi tôi cho anh Ng và chị H vay tiền chồng tôi là ông Đỗ Văn M không biết vì đây là tài sản riêng của tôi. Đến hết thời hạn nêu trên anh Ng và chị H không trả tiền cho

tôi như đã hứa. Tôi đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh Ng và chị H thanh toán toàn bộ tiền nêu trên nhưng vẫn chây ỳ không thanh toán.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Đức Ng và chị Nguyễn Thị Mỹ H phải trả một lần toàn bộ số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho tôi. Tôi không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn – Ông Nguyễn Đức Ng trình bày: Tôi xác nhận có vay của bà Trần Thị L số tiền là 100.000.000 đồng. Nay bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu tôi trả 100.000.000 đồng tiền gốc tôi không đồng ý. Trong quá trình vay mượn tiền tôi đã trả lãi hàng tháng 7.000.000 đồng/tháng cho bà L nhưng sau đó vì điều kiện khó khăn tôi xin được trả gốc. Cho đến thời điểm hiện nay tôi đã trả được khoảng 5 lần mỗi lần 2.000.000 đồng tiền gốc. Vì vậy tôi xác nhận tôi chỉ còn nợ của bà L số tiền gốc 90.000.000 đồng. Tôi xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng vào ngày 01 hàng tháng, thực hiện từ tháng 11/2019 đến khi hết nợ.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:** Tôi xác nhận vợ chồng tôi có vay của bà Trần Thị L số tiền 100.000.000 đồng nhưng chúng tôi đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc và trong quá trình nợ chúng tôi đã trả mỗi tháng 7.000.000 đồng/tháng tiền lãi nhưng không lập giấy tờ như ý kiến chồng tôi ông Nguyễn Đức Ng đã trình bày. Tôi đồng ý thống nhất ý kiến với ông Nguyễn Đức Ngvề tổng số nợ còn lại và phương án trả nợ.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn M trình bày:** Đối với việc vợ tôi bà Trần Thị L khởi kiện ông Nguyễn Đức Ng tôi xác nhận số tiền trên là tài sản riêng của vợ tôi vợ tôi toàn quyền quyết định. Tôi không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C cho rằng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại số tiền đã vay là 100.000.000 đồng. Về án phí: bị đơn chịu toàn bộ án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nhưng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[1.2] Nguyên đơn bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Đức Ng và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả lại số tiền đã vay nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận, nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền tổng cộng là 100.000.000 đồng, giao tiền làm 2 đợt (ngày 19/10/2015 và ngày 15/11/2015) hẹn đến ngày 15/12/2015 sẽ hoàn trả toàn bộ. Về mặt hình thức, việc vay mượn được bị đơn là ông Nguyễn Đức Ng viết giấy mượn tiền. Hội đồng xét xử xét thấy đây là những tình tiết có thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét giao dịch vay mượn tiền tuy được giao kết trực tiếp giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Đức Ng nhưng vợ ông Nglà bà Nguyễn Thị Mỹ H cũng biết và thừa nhận nên đây là nợ chung của vợ chồng ông Ng, bà H đối với nguyên đơn là phù hợp với Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đồng thời đây là khoản tiền riêng được nguyên đơn cho bị đơn vay, không liên quan đến chồng bà L - ông Đỗ Văn M - theo sự xác nhận của bà L và ông M nên bà L được toàn quyền quyết định việc khởi kiện. Phía bị đơn đều cho rằng hợp đồng vay có lãi, trong quá trình vay tiền có trả lãi 7.000.000 đồng/tháng và đã trả gốc 10.0000.000 đồng nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh nên không chấp nhận.

[4] Tuy hợp đồng vay được các bên xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nhưng nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết tranh chấp theo quy định Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không có lãi, có xác định thời hạn. Nay bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên bà Là yêu cầu bị đơn trả nợ là hoàn toàn phù hợp với nội dung thỏa thuận giữa các bên và quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận. Về việc bị đơn yêu cầu trả dần mỗi tháng 300.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tiền lãi chậm trả: không có yêu cầu nên không xét.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 5.000.000 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 466, Điều 469 và Điều 688 luật dân sự năm 2015;
- Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Đức Ng và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho bà Trần Thị số tiền đã vay là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

2. Án phí: Bị đơn ông Nguyễn Đức Ng và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí là 5.000.000 đồng (*bằng chữ: năm triệu đồng*), hoàn lại cho nguyên đơn bà Trần Thị L số tiền án phí là 2.500.000 đồng (*bằng chữ: hai triệu năm trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000688 ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

3. Quy định:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. C;
- Đương sự;
- THADS Tp. C;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiếu